

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+TTC1+BK21	7:25	22+0+0	0+0+0		17+4+0	0+0+0	chuyen 1 TTC1 bk21
2		RP2+TD1+BK3	7:25	20+1+1	0+0+0		13+6+3	0+0+0	
3		P8+RC3+VSP02	7:25	11+6+4	0+0+0		1+5+16	0+0+0	
4		BK10+BK8+RP2	9:25	0+5+11	0+0+0		0+6+16	0+0+0	chuyen 5 bk10 bk8
5		CTC1+RC10+BK5	9:25	8+6+4	0+0+0		7+4+5	0+0+0	tháo 4 ghế
6		MRM+CTK3+RP3	11:25	20+0+0	0+0+0		0+9+10	0+0+0	
7		MRM+BK6+P2	11:25	4+6+12	0+0+0		2+4+14	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: P2 - TTC1 - BK21	CREW: Hạnh - NPhú - Thành	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	09-10	2	10		70	YTE	Vietnamese
2	BAGRAMOV	P2	05	1	7		92	KH-THAC	Russian
3	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	P2	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI THO DUNG	P2	21	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	04	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LUU VĂN TỰ	P2	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN HIẾU	P2	28	1	5	100	70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG SỸ NGỌC	P2	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	01-02	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TĂNG MẠNH HÀ	P2	07-08	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
15	K LING	P2	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN HÙNG	P2	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC HAI	P2	19-20	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ SINH TÂM	P2	12	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	16	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	24	133	1.577	100	17		CHUYỂN 01 PAX TỪ TTC1 SANG BK21
2	TTC1	0	0	0	0	0	4	1	
3	BK21	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	133	1.577	100	21		
WEIGHT KG				133	1.577	100			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2023	TO: RP2 - TD1 - BK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HƯNG - ĐNam - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV	RP2	80	1	9	20	95	KH-THAC	Russian
2	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	91	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC CHINH	RP2	95	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TÂN TÀI	RP2	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	93	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	88	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	79	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HƯNG CUÔNG	RP2	82-83	2	6		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BA DUY	RP2	81	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN LINH	RP2	73-74	2	10		60	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	90	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	89	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	86	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ ĐỨC LONG	RP2	84	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HOÀNG HÙNG	RP2	94	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ HỮU QUAN	RP2	72	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG TUÂN CUÔNG	RP2	85	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	87	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ LAM	RP2	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD1	04-05	2	7	40	64	KHOAN	Vietnamese
22	THAI HAI HA	BK3	01,300	2	8	35	58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	20	21	121	1.401	20	13		
2	TD1	1	2	7	64	40	6		
3	BK3	1	2	8	58	35	3		
TOTAL		22	25	136	1.523	95	22		
WEIGHT KG				136	1.523	95			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P8 - RC3 - VSP02	CREW: Dương - MTHAO - QTrưởng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN PHÚC NGUYỄN	P8	85-86	2	12		84	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC ĐOÀI	P8	81	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
3	PHI ĐỨC THỊNH	P8	92	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG PHÚC	P8	88-89	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH SƠN	P8	84	1	19		62	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ PHU TỎA	P8	90-91	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRỊNH QUANG KHANH	P8	79-80	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH PHỤNG	P8	82-83	2	19		78	XAYLAP	Vietnamese
9	VÕ HOANG TIỀN	P8	87	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM BÀ KHÁNH	P8	93	1	10		71	PSV	Vietnamese
11	ĐẠO HỮU TẠO	P8	78	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	VŨ LÊ TRUNG	RC3	37-38	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THÈ MẠNH	RC3	35	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG MINH KHÁNH	RC3	34	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	32-33	2	10	40	80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN HAI VIỆT	RC3	36	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	04-05	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH MINH	VSP02	01	1	5		95	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	02-03	2	18		57	PSV	Vietnamese
20	THAI TRUNG HIỆU	VSP02	06	1	5		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	11	16	164	758	0	1		
2	RC3	5	7	37	372	40	5		
3	VSP02	4	6	36	297	0	16		
TOTAL		20	29	237	1.427	40	22		
WEIGHT KG				237	1.427	40			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: BK10 - BK8 - RP2	CREW: Hạnh - NPhú - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8				63	77	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	22	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HẠ	BK8	24	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH SƠN	BK8	25-26	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ĐẶC CÀNH	BK8	22	1	5		66	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	82	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	78-79	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	83	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGON QUANG DUY	RP2	80	1	7		95	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT NHƯNG	RP2	800	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG NGỌC THANH	RP2	81	1	4		96	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	75-76	2	7		58	PSV	Vietnamese
13	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	98	1	4		75	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VIỆT ANH	RP2	97	1	7		67	PSV	Vietnamese
15	TRẦN QUANG HUY	RP2	77	1	5		85	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN HIỆP	RP2	99	1	8		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	0	0	0	0	0	0	15	CHUYEN 5 PAX BK10-BK8
2	BK8	5	5	30	335	63	6		
3	RP2	11	13	68	786	0	16		
TOTAL		16	18	98	1.121	63	22		
WEIGHT KG				98	1.121	63			

GRAND TOAL: 1.282 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Hoa



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2023	TO: CTC1 - RC10 - BK5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HU'NG - ĐNam - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH VŨ	CTC1	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG ANH HU'NG	CTC1	40	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ VĂN VIỆT	CTC1	42	1	6	20	75	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SI HIEU	CTC1	43	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LU'ONG XUAN THANH	CTC1	45	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGOC LAN	CTC1	44	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	39	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM PHU BINH	CTC1	38	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	CHU ĐỨC HUNG	RC10	44	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RC10	40	1	3	70	69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10				23	70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO TRƯỜNG SƠN	RC10	45	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN THOÀ	RC10	38	1	5	60	76	CODIEN	Vietnamese
14	VŨ NGỌC HUNG	RC10	38	1	7		60	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK5	51	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	36	1	5	35	63	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN HAI	BK5	56	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN XUÂN HOÀ	BK5					65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	8	8	41	551	20	7		THAO 02 GHE DOI (04 CHO) DE CHO HANG
2	RC10	6	5	25	413	153	4		
3	BK5	4	3	13	253	35	5		
TOTAL		18	16	79	1.217	208	16		
WEIGHT KG				79	1.217	208			

GRAND TOAL: 1.504 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

mauske

[Signature]



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:40
FLIGHT: 06	TO: MRM - CTK3 - RP3	CREW: Dương - MTHAO - QTrưởng	ETA: 13:30
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SALIKHOV ARTUR	MRM	10	1	7		86	VS-KHOA	Russian
2	DEREVYANKO ARTEM	MRM	85	1	10		78	AMNGR	Russian
3	RULEV SEMEN	MRM	600	1	10		112	AMNGR	Russian
4	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	07	1	15		82	AMNGR	Russian
5	USMANOV ALBERT	MRM	87-88	2	14		115	AMNGR	Russian
6	SHABAKANOV MARAT	MRM	01-02	2	14		82	AMNGR	Russian
7	KULIK VIACHESLAV	MRM	95-96	2	12		72	AMNGR	Russian
8	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	92	1	5		126	AMNGR	Russian
9	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	04	1	5		85	AMNGR	Russian
10	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	97	1	15		85	AMNGR	Russian
11	SACHOK VALERII	MRM	06	1	10		83	AMNGR	Russian
12	DIDENKO PAVEL	MRM	98-99	2	15		85	AMNGR	Russian
13	ZHIGALO ARTUR	MRM	05	1	15		85	AMNGR	Russian
14	ZAKHAROV ALEKSEI	MRM	11	1	6		79	AMNGR	Russian
15	OLESHKEVICH DMITRII	MRM	86	1	9		103	AMNGR	Russian
16	SUVOROV IURII	MRM	08	1	5	15	118	AMNGR	Russian
17	ALEKSANDROVICH IVAN	MRM	91	1	12		88	AMNGR	Russian
18	TROYANOV DMITRII	MRM	89-90	2	10		84	AMNGR	Russian
19	SHAKIN MIKHAIL	MRM	93-94	2	15		86	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	19	25	204	1.734	15	0		
2	CTK3	0	0	0	0	7	9		
3	RP3	0	0	0	0	5	10		
TOTAL		19	25	204	1.734	27	19		
WEIGHT KG				204	1.734	27			

GRAND TOAL: 1.965 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2023	TO: MRM - BK6 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CHIẾN - VLinH - Vũ	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MOLODYH MIKHAIL	MRM	98	1	5		77	AMNGR	Russian
2	MAI ĐẠI HAI	MRM	97	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG HAI LAM	MRM	100	1	5		70	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN THE HUNG	MRM	99	1	7		78	T-TIN	Vietnamese
5	KARNIUKHIN VITALII	MRM	03	1	8		67	AMNGR	Russian
6	LE NGOC AN	BK6	74	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	VU VAN THO	BK6	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU QUYNH AN	BK6	68	1	6		100	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG SỰ	BK6	69-70	2	18	50	77	CODIEN	Vietnamese
10	LE NGOC HIỆP	BK6	71-72	2	12		80	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHE	BK6	75	1	7		66	PSV	Vietnamese
12	ĐO HUY HUNG	P2	98-99	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN PHU HUU	P2	91	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAC DUC HUY	P2	92	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU NGOC DUNG	P2	93	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC DU	P2	94-95	2	5	25	68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TOAN	P2	96-97	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LE QUANG NINH	P2					67	KHI	Vietnamese
19	TRAN XUAN BACH	P2	90	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN THANH SON	P2	3000	1	10		80	T-TIN	Vietnamese
21	HOANG VAN VAN	P2	89	1	5		74	PSV	Vietnamese
22	HOANG VAN CONG	P2	88	1	7		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	5	5	34	361	0	2		
2	BK6	6	8	51	473	50	4		
3	P2	11	13	65	746	25	14		
TOTAL		22	26	150	1.580	75	20		
WEIGHT KG				150	1.580	75			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

mayke

6